

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Môn: Phần C.III. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội

Ngày thi: 13/10/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	37	La Thị Mây	8,00	Tám
2	La Thị Biếc	8,00	Tám	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Lục Thị Chinh	8,00	Tám	39	Lương Văn Ngu	7,00	Bảy
4	Hoàng Văn Cương	7,00	Bảy	40	Thang Thị Nguyệt	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Hoàng Văn Dự	7,00	Bảy	41	Trần Đức Nhâm	6,50	Sáu phẩy năm
6	Hoàng Thị Duyên	8,00	Tám	42	Hoàng Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
7	La Thị Duyên	8,00	Tám	43	Nông Thị Nhung	6,50	Sáu phẩy năm
8	La Thị Duyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	44	Ngân Thị Nương	7,00	Bảy
9	Nông Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	45	Ngô Thị Phương	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Lương Thị Gấm	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Đàm Văn Quang	7,00	Bảy
11	Nông Thị Hằng	7,00	Bảy	47	Mông Đình Quế	6,75	Sáu phẩy bảy năm
12	Nông Thị Hành	7,00	Bảy	48	Chu Thị Quý	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Lương Thị Hạnh	8,00	Tám	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bé Thị Hào	6,50	Sáu phẩy năm	50	Lãnh Thị Minh Tâm	8,00	Tám
15	Dương Thị Hào	8,00	Tám	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	8,00	Tám	52	Nông Thị Thắm	8,00	Tám
17	Ngân Thị Hòa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Bé Thị Thê	8,00	Tám
18	Lương Thị Hợp	6,50	Sáu phẩy năm	54	Hứa Văn Thiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Hoàng Văn Huân	6,50	Sáu phẩy năm	55	Lục Văn Thiệp	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Huệ	8,00	Tám	56	Hoàng Văn Thóm	6,50	Sáu phẩy năm
21	Hoàng Kim Huệ	8,00	Tám	57	Lục Thị Thu	7,25	Bảy phẩy hai năm
22	Nông Thị Hường	8,00	Tám	58	Nông Văn Thượng	7,00	Bảy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Hứa Quốc Huy	6,50	Sáu phẩy năm	59	Hứa Thị Thúy	6,75	Sáu phẩy bảy năm
24	Hoàng Bích Huyền	8,00	Tám	60	Nông Ngọc Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	8,00	Tám
26	Hà Phúc Khải	8,00	Tám	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,00	Bảy
27	Hoàng Thị Khâm	6,50	Sáu phẩy năm	63	Lương Thị Tiên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Nông Đức Khánh	6,50	Sáu phẩy năm	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
29	La Đức Kiểm	6,50	Sáu phẩy năm	65	Triệu Thị Tồn	7,00	Bảy
30	Hoàng Thị Kỳ	6,50	Sáu phẩy năm	66	Hoàng Minh Trọng	8,00	Tám
31	Sầm Thị Lanh	7,00	Bảy	67	Hoàng Đức Trung	6,50	Sáu phẩy năm
32	Đình Thị Liên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Đàm Thị Tuyến	6,75	Sáu phẩy bảy năm
33	Nông Thị Liễu	8,00	Tám	69	Vi Thị Viện	7,00	Bảy
34	Nông Thị Luyến	7,00	Bảy	70	Hoàng Thị Yên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Nông Thị Ly	7,00	Bảy	71	Ngôn Hải Yên	8,00	Tám
36	Nông Thị Mận	8,00	Tám	72	Lý Thị Hoài	8,00	Tám

Điểm 6,50: 12 điểm; Điểm 6,75: 04 điểm; Điểm 7,00: 15 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 02 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 26 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa